

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2018/HS-ST
Ngày 20-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.
2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 231/2018/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Trọng T, sinh năm 1988 tại tỉnh Y; thường trú: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Y; tạm trú: Số 165A/2 đường 8, khu phố 2, phường C, quận Đ, Thành phố M; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê C, sinh năm 1950 và bà Trần Thị M, sinh năm 1960; bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến:

1. Anh Đỗ Cao C, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 3, phường C, quận Đ, Thành phố M. Vắng mặt.

2. Anh Lương Hồng Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Xã N, huyện V, thành phố N. Vắng mặt.

3. Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 6, xã M, huyện P, tỉnh G. Vắng mặt.

4. Chị Lê Thị Thoại M, sinh năm 1996; địa chỉ: Xã A, huyện T, tỉnh G. Vắng mặt.

5. Chị Phạm Thùy T, sinh năm 1998; địa chỉ: Xã L, thị xã B, tỉnh P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trọng T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy từ tháng 4 năm 2018. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21/4/2018, K (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của T rủ T đến phòng Vip 3 quán Karaoke Tám S thuộc khu phố N 2, phường A, thị xã D, tỉnh B chơi thì Thộ đồng ý. Khi đến nơi, T gặp K và Đỗ Cao C cùng với 03 nhân viên tiếp bia của quán là Lê Thị Thoại M, Phạm Thùy T, Mai Hồng N đang ở trong phòng. T cùng bạn bè ngồi hát và uống bia đến khoảng 3 giờ cùng ngày, T dùng điện thoại di động hiệu Nokia 2525 màu đen, sim số 0908.299.743 gọi điện cho L (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua 300.000 đồng ma túy đá. Khoảng 30 phút sau có 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến trước quán Karaoke Tám S đưa cho T ma túy đá, T đưa 300.000 đồng rồi lấy ma túy về phòng Vip 3. Sau đó, T cùng K, C, T, M sử dụng ma túy đá, riêng N không sử dụng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, K trả tiền phòng karaoke rồi về, T và C tiếp tục chơi tại phòng Vip 3. T gọi thêm bạn là Lương Hồng Q đến phòng Vip 3, quán Karaoke Tám S chơi. T gọi cho L để mua thêm 1.800.000 đồng ma túy đá. Khoảng 30 phút sau Lương Hồng Q cùng Phan Văn Đ đến phòng Vip 3 rồi T cùng C, Q, Đ, N, M, T cùng sử dụng ma túy đá. Đến khoảng 15 giờ ngày 21/4/2018, lực lượng công an thị xã D, tỉnh B tiến hành kiểm tra hành chính phòng vip 3, quán Karaoke Tám S. Thấy lực lượng công an, T ném gói ma túy xuống dưới nền phòng thì công an phát hiện, T khai nhận đó là ma túy đá của T. Qua kiểm tra, lực lượng công an còn phát hiện trên nền gạch trong phòng có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, tiếp tục kiểm tra lực lượng công an thu giữ 01 gói nylon miệng kéo dính màu xanh trắng chứa tinh thể màu trắng trong túi xách màu nâu, T khai túi xách này là của T nhưng không biết gói nylon trong túi xách là của ai. Lực lượng công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Trọng T cùng vật chứng.

Tại kết luận giám định số 246/MT-PC54 ngày 27/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: 01 gói nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng là ma túy, có trọng lượng 2,5960 gam loại Methamphetamine; 01 gói nylon miệng kéo dính màu xanh trắng chứa tinh thể màu trắng, có trọng lượng 10,5009 gam không tìm thấy trong danh sách quản lý của chính phủ đối với các tiền chất và các chất ma túy.

Ngày 30/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can và tạm giam để điều tra đối với Lê Trọng T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vật chứng thu giữ: 01 gói nylon miệng kéo dính chứa ma túy; 01 gói nylon miệng kéo dính màu xanh trắng chứa tinh thể màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 225 màu đen, sim số: 0908.299.743

Đối với người đàn ông tên L đã bán ma túy cho T, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D đang xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Đỗ Cao C, Lương Hồng Q, Phan Văn Đ, Lê Thị Thoại M, Phạm Thùy T, Mai Hồng N là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tượng trên với số tiền 750.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, thông báo về chính quyền địa phương để giáo dục, quản lý.

Cáo trạng số 240/CT-VKS ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố Lê Trọng T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Trọng T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bì thư niêm phong bên trong chứa 2,4569 gam ma túy Methamphetamine; 01 bì thư niêm phong bên trong chứa 10,2713 gam tinh thể màu trắng và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 sim số: 0908.299.743. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 225 màu đen.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trọng T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người làm chứng cũng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 15 giờ ngày 21/4/2018, lực lượng Công an thị xã D, tỉnh B tiến hành kiểm tra hành chính phòng vip 3, quán Karaoke Tám S thuộc khu phố N2, phường A, thị xã D, tỉnh B phát hiện Lê Trọng T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Kết luận giám định số 246/MT-PC54 ngày 27/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: 01 gói nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng là ma túy, có trọng lượng 2,5960 gam loại Methamphetamine; 01 gói nylon miệng kéo

dính màu xanh trắng chứa tinh thể màu trắng, có trọng lượng 10,5009 gam không tìm thấy trong danh sách quản lý của chính phủ đối với các tiền chất và các chất ma túy.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người làm chứng tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở xác định: Với hành vi cất giữ 2,5960 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Hiện nay, tình hình nghiện hút chất ma túy đang diễn ra phức tạp trong mọi tầng lớp. Tệ nạn này là mối quan tâm của toàn xã hội, loại tội phạm này là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hậu quả rất xấu cho xã hội. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, có xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon miệng kéo dính chứa ma túy đá; 01 gói nylon miệng kéo dính màu xanh trắng chứa tinh thể màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; sim số: 0908.299.743; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 225 màu đen.

[8] Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trọng T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Trọng T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư niêm phong chứa 2,4569 gam ma túy Methamphetamine; 01 bì thư niêm phong chứa 10,2713 gam tinh thể màu trắng và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; sim số: 0908.299.743; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 225 màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/8/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D với Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Trọng T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D (1);
- Công an thị xã D (1);
- Chi cục THADS thị xã D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- Sở Tư pháp tỉnh B (1);
- Bị cáo (1);
- Người tham gia tố tụng (5);
- UBND xã H,
- Huyện T, tỉnh Y (1);
- Phòng PV 27 CA tỉnh B (1);
- Phòng PC 81 CA tỉnh B (1);
- Lưu: VT, HSVA (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên